TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HSST
Ngày: 13-8-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn.**

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Đặng Ngọc Thu**.
2. Ông **Nguyễn Văn Cường**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Khôi** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Lan Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 65/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phan Anh T**, sinh năm 1978 tại Vĩnh Long; nơi cư trú: Số xx, ấp TV, xã TA, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; cha không rõ, mẹ Lê Thị L, sinh năm 1962; vợ: Trần Thị Xuân C (*Đã ly hôn*); con Trần Tấn Tường V, sinh năm 2007; tiền án - tiền sự: Không.

Bị cáo bị khởi tố áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: **Lê Thị Ngọc T1**, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số xxz, khóm y, phường N, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (*Vắng mặt*).

* *Người làm chứng*: **Trần Thị M**, sinh năm 1957; nơi cư trú: Số xxz, khóm Y, phường N, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Anh T và Lê Thị Ngọc T1 có quan hệ tình cảm nam nữ yêu thương nhau. Sau đó, do phát sinh mâu thuẩn nên T1 có ý định chấm dứt quan hệ tình cảm với T. Nhiều lần T tìm đến T1 để nói chuyện thì bị T1 tìm cách tránh mặt.

Sáng ngày 21-3-2019, T gặp được T1 trước cổng trường Sư phạm thực hành trên đường NH, phường B, thành phố VL. T yêu cầu T1 nói chuyện nhưng T1 không đồng ý và nói với T "*có gì về nhà nói*" rồi T1 điều khiển xe chạy thẳng về nhà, T điều khiển xe chạy theo. Khi về đến nhà của T1 tại số xxz, khóm Y, phường B, thành phố VL thì ngay lúc bà Trần Thị M là mẹ của T1 đang chuẩn bị đưa cháu đi học nên T1 quay xe ra chở bà M và cháu đến trường, còn T ở lại nhà T1 chờ T1 về nói chuyện.

Trong lúc chờ T1, T đi vào phòng ngủ của T1 để ngồi chơi thì phát hiện trên bàn trang điểm có hộp trang điểm hình tròn có dây kéo. T kiểm tra bên trong hộp trang điểm phát hiện có chìa khóa ngăn tủ nên T lấy chìa khóa mở tủ trang điểm ra xem thì thấy bên trong có nhiều tiền, đồng hồ đeo tay và hộp nữ trang bằng vàng bên trong hộp là túi vải màu đỏ có 02 sợ dây chuyền vàng 16K, 01 nhẫn đeo tay có hình con heo vàng 24K, 01 vòng đeo tay hình tròn vàng 16K và 01 lắc đeo tay bằng vàng 16K. T nảy sinh ý định lấy trộm túi vàng để ép T1 gặp mặt bị cáo nhằm níu kéo tình cảm nên T lấy túi vải có đựng vàng bỏ vào túi quần rồi đóng tủ lại đi ra phía trước nhà tiếp tục đợi T1 về. Sau đó, T thấy mẹ của T1 quay về nhà một mình. Biết T1 cố tình tránh mặt nên T đi về và đem theo toàn bộ số vàng trộm được cất giấu ở bờ sông trước nhà của T tại số xx, ấp TV, xã TA, thành phố VL.

Khi chị Lê Thị Ngọc T1 về nhà phát hiện ngăn tủ trang điểm không khóa, chị T1 kiểm tra ngăn tủ thì phát hiện bị mất trộm túi vàng nên đến công an trình báo sự việc. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Phan Anh T đến công an đầu thú và chỉ nơi cất giấu số vàng đã lấy trộm để thu hồi trả cho chị T1.

Tại kết luận định giá tài sản số 19/HĐĐG & TTHS ngày 22-4-2019 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thành phố VL kết luận số vàng T đã lấy trộm gồm 02 sợi dây chuyền vàng 16K (01 sợi trọng lượng 02 chỉ 08 phân 06 ly và 01 sợi trọng lượng 08 phân 04 ly), 01 nhẫn đeo tay có hình con heo vàng 24K trọng lượng 09 phân 06 ly, 01 vòng đeo tay hình tròn vàng 16K trọng lượng 09 phân và 01 lắc đeo tay bằng vàng 16K trọng lượng 08 chỉ 05 phân 08 ly có tổng giá trị 36.386.800 đồng. Cơ quan điều tra đã trao trả cho Lê Thị Ngọc T1 đã nhận lại toàn bộ số tài sản bị mất trộm, chị T1 đã làm đơn bãi nại cho T và không yêu cầu xử lý cũng như bồi thường gì T1.

Tại bản Cáo trạng số 69/CT-VKSTPVL, ngày 02-7-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố VL đã truy tố bị cáo Phan Anh T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm;

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội và phát biểu quan điểm các vấn đề khác liên quan đến vụ án: Khẳng định nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã đề nghị truy tố đối với bị cáo Phan Anh T về tội "*Trộm cắp tài sản*" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật; phân tích đánh giá tác hại của hành vi bị cáo đã thực hiện, nhận định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Anh T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan Anh T từ 09 tháng đến 01 (Một) năm tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

- ***Lời trình bày của bị cáo***: Bị cáo Phan Anh T thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chị T1 như nội dung Cáo trạng miêu tả. Bị cáo trình bày do nhất thời thiếu suy nghĩ nên đã thực hiện hành vi lấy trộm tài sản của chị T1, nhưng bị cáo không có ý định chiếm đoạt tài sản để tiêu xài mà mục đích chính là để chị T1 gặp mặt bị cáo để hàn gắn tình cảm. Tại phiên tòa, bị cáo nhận ra sai trái và hứa sau này không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố VL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố VL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời trình bày và khai nhận của bị cáo Phan Anh T tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai bị cáo, bị hại tại Cơ quan điều tra, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận định giá tài sản, các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận rằng: Bị cáo Phan Anh T và bị hại Lê Thị Ngọc T1 có mối quan hệ tình cảm nam- nữ. Do chị T1 muốn chấm dứt quan hệ yêu đương với bị cáo nên chị T1 tìm cách tránh mặt bị cáo, phía bị cáo tích cực tìm cách gặp mặt chị T1 để nói chuyện hàn gắn mối quan hệ tình cảm nhưng chị T1 luôn tránh né. Vì vậy, sáng ngày 21-3-2019 bị cáo đến nhà chị T1 tại số xxz, khóm Y, phường N, thành phố VL, nhưng lúc này chị T1 bận chở mẹ và cháu đi học và kêu bị cáo ngồi ở nhà chờ. Trong thời gian chờ T1 thì bị cáo nãy sinh ý định trộm cắp tài sản để chị T1 gặp mặt bị cáo nói chuyện nên bị cáo T lén lúc vào phòng của chị T1 trộm cắp tài sản gồm 02 sợi dây chuyền vàng 16K (01 sợi trọng lượng 02 chỉ 08 phân 06 ly và 01 sợi trọng lượng 08 phân 04 ly), 01 nhẫn đeo tay có hình con heo vàng 24K trọng lượng 09 phân 06 ly, 01 vòng đeo tay hình tròn vàng 16K

trọng lượng 09 phân và 01 lắc đeo tay bằng vàng 16K trọng lượng 08 chỉ 05 phân 08 ly có tổng giá trị 36.386.800 đồng. Đến 14 giờ cùng ngày bị cáo đến cơ quan Công an đầu thú chỉ nơi cất giấu tài sản để trả lại cho bị hại.

Dấu hiệu các hành vi vừa nêu của bị cáo Phan Anh T đã cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*" tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã truy tố đối với bị cáo T là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của bị hại Lê Thị Ngọc T1 được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương và gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội; bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật; thực hiện với lỗi cố ý. Do đó cần phải xử lý để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Nhưng xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thật thà nhận tội, thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, đã đầu thú khai báo rõ hành vi và chỉ ra nơi cất giấu tài sản để thu hồi trả lại cho bị hại nên thiệt hại chưa xảy ra; bị cáo có nhân thân tốt mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị hại đã bãi nại không yêu cầu xử lý bị cáo. Vì vậy, khi quyết định hình phạt xem đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm h,i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Xét bản thân bị cáo có nhân thân hạnh kiểm tốt, có địa chỉ cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như nêu trên, hơn nữa bị cáo phạm tội không vì động cơ vụ lợi, mục đích chính chỉ muốn níu kéo bị hại hàn gắn quan hệ tình cảm nhưng bị cáo thiếu suy nghĩ đã thực hiện hành vi trái pháp luật. Vì vậy, không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát giáo dục cũng đủ răng đe bị cáo nhằm tạo điều kiện cho bị cáo thấy được tính nhân đạo của pháp luật mà tự cải tạo bản thân trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội.

Bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Thị Ngọc T1 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình điều tra đã nhận lại tài sản không còn yêu cầu gì và có đơn bãi nại xin tha cho bị cáo lần đầu. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Phan Anh T** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Phan Anh T** 01 (*Một*) năm tù cho hưởng án treo - thời gian thử thách là 02 (*Hai*) năm kể từ ngày tuyên án (Ngày 13-8-2019).

Giao bị cáo Phan Anh T cho Ủy ban nhân dân xã TA, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

(*Đã giải thích toàn văn khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với người bị kết án*).

- Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Quốc hội. Buộc bị cáo Phan Anh T nộp 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; riêng bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Quốc Tuấn

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo và các đương sự;
- Tòa án tỉnh VL;
- Viện kiểm sát tỉnh VL;
- Sở tư pháp tỉnh VL;
- Viện kiểm sát TPVL;
- Công an TPVL và trại giam;
- Thi hành án TPVL;
- Lưu hồ sơ.